TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-ST
Ngày: 07/9/2017.
Về việc tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến.
2. Ông Nguyễn Hoàng Thân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2013/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2013, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kim P, sinh năm: 1981. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ x, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nơi ở: Tổ x, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Nhật H, sinh năm: 1940 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1943; cùng địa chỉ: Tổ x, Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Ông H và bà K vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (nay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở chính: Số xx Trần Hữu Dực, Khu đô thị mới M, quận T, thành phố H (Địa chỉ mới: Số xx Trần Hữu Dực, phường M, quận Nam T, thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc B; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hồng Như Q; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C (Theo quyết định số 2716/QĐ-HĐTV-PC ngày 23/11/2012 của Chủ tịch hội đồng thành viên).

Ủy quyền lại cho: Ông Lê Quang T; chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch và Kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C (Theo Quyết định số 412/QĐ-NHNo-BRVT-HXM ngày 15/10/2013).

(Ông T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, Khu LL, phường H, quận M, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh S – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C (Theo quyết định số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam).

Địa chỉ: Quốc lộ xx, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh D. (Ông S vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm: 1958 và bà Hoàng Thị Bích L, sinh năm: 1960; cùng địa chỉ: 47/7, Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ông Th vắng mặt, bà L có mặt; ông Th ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 24/3/2014)

4. Ông Phạm Nhật Tr, sinh năm: 1966 và bà Võ Tòng Ch, sinh năm: 1969; cùng địa chỉ: Tổ 8, Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ông Tr vắng mặt, bà Ch có mặt; ông Tr ủy quyền cho bà Ch tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 22/10/2013)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:

Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm: 1971; địa chỉ: Tổ 6, Ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ 15, Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/7/2012, bản khai các ngày 14/8/2013, ngày 17/3/2014, biên bản làm việc ngày 20/5/2014, biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim P trình bày:

Bà Vũ Thị Kim P và ông Nguyễn Nhật T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuyên Mộc, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 05 ngày 11/4/2006). Trong quá trình chung sống bà P và ông T không có con chung. Ngày 21/9/2011, ông T chết do bị điện giật (Giấy chứng tử số 20, quyển số 01 ngày 03/10/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Do ông T chết đột ngột nên không để lại di chúc. Những người thừa kế theo pháp luật của ông T gồm:

1. Ông Nguyễn Nhật H (cha đẻ ông T);

2. Bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ ông T);

3. Bà Vũ Thị Kim P (vợ ông T).

* Ông T chết để lại khối tài sản chung với bà P gồm:

- 01 thửa đất, diện tích 156m^2 thuộc thửa số 876, tờ bản đồ số 21 xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 983105 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/4/2008. Về nguồn gốc đất: Ngày 30/12/2008, bà P và ông T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Anh K, địa chỉ Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đã hoàn tất thủ tục sang tên, do ông T đứng tên tại trang thứ 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 983105.

- Trên đất có nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m^2 do ông T và bà P xây dựng năm 2008 và mở quầy bán thuốc tây tại nhà từ khi làm nhà cho đến nay.

- 01 Trại heo diện tích khoảng 150m^2 xây dựng trên đất của ông H, bà K, tại Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi ông T chết chuồng heo bỏ hoang

nhiều năm và bị bão làm đổ sập, hư hỏng từ năm 2012, nay chỉ còn lại nền trên đất không có giá trị.

- 54 (năm mươi tư) con heo, bán được số tiền như sau:

+ 12 con heo nái: 01 con heo chết bán được 2.000.000 đồng; 01 con heo què bán được 3.000.000 đồng; 01 con heo đẻ chết con bán được 3.000.000 đồng; 01 con heo đẻ chết con bán được 3.500.000 đồng; 01 con heo mang bầu bán được 7.000.000 đồng và 07 con heo nái còn lại, mỗi con bán được 5.000.000 đồng. Tổng số heo nái bán được 53.500.000 đồng.

+ 10 con heo thịt bình quân 65kg/1con, bán giá 47.000đ/kg được tổng số tiền là 30.550.000 đồng.

+ 17 con heo thịt bình quân 45kg/1con, bán giá 42.000đ/kg được tổng số tiền là 32.120.000 đồng.

+ 15 con heo con bán giá 01 cặp là 3.000.000đ, được tổng số tiền là 22.500.000 đồng.

Tổng số tiền bán heo là 138.670.000 đồng.

Sau khi bán heo xong bà P đã trả các khoản nợ chung của vợ chồng như sau:

- Ngày 26/9/2011, trả cho bà Hoàng Thị Bích L và ông Nguyễn Ngọc Th (Tiệm cám TT) số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 28/9/2011, trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L 14.166.000 đồng.

- Ngày 28/9/2011, trả cho ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch (Tiệm cám TC) số tiền 114.500.000 đồng.

Số tiền bán heo được 138.670.000 đồng, bà P đã dùng để trả nợ hết 138.666.000 đồng.

* Số nợ chung của vợ chồng sau khi ông T chết gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 110681.T0135 ngày 28/3/2011 và tiền lãi phát sinh. Ngày 13/6/2017, bà P đã trả xong nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng, tổng số tiền 102.644.444 đồng (Theo các chứng từ giao dịch số: 06130118000046, 06130118000047 và 06130118000048).

- Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn lập ngày 10/8/2009 và tiền lãi phát sinh. Ngày 13/6/2017, bà P đã trả xong nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng, tổng số tiền 28.247.564 đồng (Theo phiếu thu có số tham chiếu: CTSF 130617252936).

- Nợ tiền mua cám chăn nuôi heo của bà Hoàng Thị Bích L và ông Nguyễn Ngọc Th (tiện cám TT) số tiền: 57.485.000 đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăn tám mươi lăm nghìn đồng).

- Nợ tiền mua cám chăn nuôi heo của ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch (tiệm cám TC) số tiền: 54.300.000 đồng (năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trong khối tài sản chung với bà P theo pháp luật là thửa số 876, tờ bản đồ số 21 xã B, diện tích 156m^2 và công trình, vật kiến trúc trên đất là Nhà, mái che và sân bê tông. Bà P yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên. Yêu cầu ông H, bà K phải có trách nhiệm cùng bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Đồng thời yêu cầu ông H, bà K phải trả cho bà P số tiền chia theo nghĩa vụ mà bà P đã bỏ ra trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam. Đối với số tiền bán heo được 138.670.000 đồng, bà P đã dùng để trả nợ chung của vợ chồng hết, nay không còn để chia thừa kế nên bà P

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trại heo xây dựng trên đất của ông H, bà K đã bị bão làm đổ sập hư hỏng, chỉ còn lại nền trên đất không có giá trị, bà P không yêu cầu chia thừa kế. Bà P không yêu cầu tính công sức quản lý, giữ gìn, bảo quản di sản thừa kế.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2013 và biên bản hòa giải ngày 07/3/2017 bị đơn ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K thống nhất với trình của bà P về mối quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T, thời gian ông T chết, tài sản chung của vợ chồng và một số nợ chung. Nhưng ông H, bà K cho rằng số heo còn lại sau khi ông T chết là 93 con heo (Trong đó có 50 con heo thịt, 13 con heo nái, 30 con heo lứa sắp bán) và còn 200 tấm tôn bà P đã bán cho con trai ông, bà là Nguyễn Nhật M. Ông H, bà K xác nhận nhà và đất tại Ấp 2, xã B, huyện C và những tài sản trình bày ở trên là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà P.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2013, ông H và bà K đồng ý phân chia tài sản thừa kế và nghĩa vụ trả nợ theo quy định, tuy nhiên tại đơn khiếu nại ngày 12/11/2013 (do bà K ký) thì không đồng ý về nghĩa vụ trả nợ cùng bà P và tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2017, ông H, bà K cho rằng ông T, bà P nợ ai bao nhiêu ông H, bà K không rõ, đồng thời ông H, bà K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà P và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/10/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 28/3/2011, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho ông Nguyễn Nhật T và bà Vũ Thị Kim P vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 110681.T0135 ngày 28/3/2011. Ngân hàng yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ngày 13/6/2017, bà Vũ Thị Kim P đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, với số tiền 102.644.444 đồng và cùng ngày 13/6/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18/10/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam trình bày:

Ngày 10/8/2009, Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C cho ông Nguyễn Nhật T và bà Vũ Thị Kim P vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo khế ước số 090412.4H102, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ là ngày 10/8/2012. Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện C) yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ngày 13/6/2017, bà Vũ Thị Kim P đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, tổng số tiền 28.247.564 đồng. Ngày 03/7/2017, Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29/10/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L thống nhất trình bày như sau:

Khoảng cuối năm 2009, ông T và bà P đến đại lý thức ăn gia súc của ông Th, bà L mua thức ăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận khi nào bán heo thì trả tiền thức ăn (cám). Tính đến ngày 14/2/2010, ông T và bà P đã mua 268 bao cám, gồm nhiều loại tổng số tiền là 70.776.000 đồng. Ông T và bà P trả được 20.000.000đ, còn nợ lại 50.776.000 đồng. Ngày 18/12/2010, vợ chồng ông T tiếp tục mua 155 bao cám các loại, nợ lại 87.314.000 đồng. Ngày 28/01/2011, trả 50.000.000 đồng, nợ lại 37.314.000 đồng. Ngày 02/02/2011 đến ngày 30/3/2011, vợ chồng ông T tiếp tục mua thêm cám các loại, số tiền nợ là 67.485.000 đồng. Sau khi ông T chết thì ngày 26/9/2011, bà P trả cho ông Th, bà L 10.000.000 đồng. Còn nợ lại 57.485.000 đồng. Nay, ông Th và bà L yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trả cho ông Th và bà L số tiền nợ là 57.485.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/10/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch thống nhất trình bày như sau:

Ngày 04/4/2011, ông T và bà P đến đại lý thức ăn gia súc của ông Tr và bà Ch mua thức ăn chăn nuôi heo. Hai bên thỏa thuận bán và mua thiếu đến khi nào bán heo thì trả tiền cám. Tính đến ngày 15/7/2011, ông T và bà P mua tổng cộng 395 bao cám gồm nhiều loại và giá tiền khác nhau, tổng số tiền là 108.420.000 đồng. Ngày 25/7/2011, bà P trả 25.000.000 đồng, còn nợ lại 85.420.000 đồng. Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 18/9/2011, ông T và bà P mua 310 bao cám các loại, với giá tiền khác nhau. Tổng tiền nợ là 168.800.000 đồng. Ngày 21/9/2011, ông T đột ngột qua đời. Ngày 28/9/2011, bà P trả cho ông Tr và bà Ch số tiền 114.500.000 đồng. Còn nợ lại 54.300.000 đồng. Nay, ông Tr và bà Ch yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trả cho ông Tr và bà Ch số tiền nợ là 54.300.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2014, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà L là chị chồng của bà P (chị ông T) và là con ruột của ông H, bà K. Khoảng năm 2010, vợ chồng bà P, ông T có mượn tiền của bà L nhiều lần, với tổng số tiền là 14.166.000 đồng. Sau khi ông T chết ngày 21/9/2011, bà L nghe tin bà P bán heo nên đến nhà bà P đòi nợ và ngày 28/9/2011 bà P đã trả cho bà L toàn bộ số tiền nợ là 14.166.000 đồng. Bà L xác nhận bà P đã trả đủ tiền trước đây vợ chồng bà P, ông T nợ bà L, nay bà L không có yêu cầu gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/7/2017, ngày 21/7/2017 và các phiên tòa, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Về thủ tục xử lý đơn và thời hạn giải quyết vụ án còn để kéo dài quá 04 tháng nhưng không có quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, tuy không ảnh hưởng tới nội dung vụ án, nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế và nghĩa vụ trả nợ; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Nhật Tr, bà Võ Tòng Ch, ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L về việc khởi kiện yêu cầu bà P và những người thừa kế của ông T là bà P, ông H và bà K có nghĩa vụ trả nợ cho các ông, bà trên;

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[2]. *Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu:* Ông Nguyễn Nhật T chết vào ngày 21/9/2011, căn cứ giấy chứng tử số 20, quyển số 01 ngày 03/10/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông T là ngày 21/9/2011 theo quy định tại Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005. Ngày 08/7/2012, bà Vũ Thị Kim P có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

- Tòa án nhân dân huyện C đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 13/7/2017, ngày 21/7/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2017/QĐST-DS ngày 25/8/2017 (kèm theo giấy triệu tập) của Tòa án cho các đương sự, tuy nhiên ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/8/2017 và tại phiên tòa hôm nay (ngày 07/9/2017), ông H và bà K vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà K theo luật định.

- Ông Lê Quang T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và Phát trển nông thôn Việt Nam; Ông Phạm Thanh S là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam và bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định.

- Ông Nguyễn Nhật M có lời khai trong quá trình tố tụng, nhưng xét thấy ông M không liên quan tới vụ án nên Tòa án không đưa ông M vào tham gia tố tụng.

[5]. *Về diện và hàng thừa kế:* Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như các tài liệu có tại hồ sơ, xác định được bà P và ông T là vợ chồng hợp pháp, được chứng minh bằng giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 05 ngày 11/4/2006 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và trong quá trình chung sống Tiến và bà P không có con chung. Tại bản tường trình về quan hệ nhân thân ngày 20/5/2013 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác nhận ông T là con đẻ của ông H và bà K. Căn cứ khoản 1 Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật dân sự năm 2005, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T có 03 người là: Ông Nguyễn Nhật H là cha đẻ của ông T; bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ của ông T và bà Vũ Thị Kim P là vợ ông T.

[6]. *Về tài sản chung của vợ chồng và di sản thừa kế:*

- Thửa đất số 876, tờ bản đồ số 21 tại Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, diện tích 156m^2 (trong đó 40m^2 đất thổ cư và 116m^2 đất trồng cây hàng năm) được

Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 983105 ngày 01/4/2008 mang tên Nguyễn Anh K (Tại trang thứ 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có ghi nhận nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý như sau: Ngày 30/12/2008 đã chuyển nhượng hết diện tích cho ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 15, Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Phần diện tích chuyển nhượng theo số liệu thông tin tại phần II, trang 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 983105 ngày 01/4/2008).

- Công trình, vật kiến trúc trên đất gồm: Nhà cấp 4 A3, diện tích 50m^2, kết cấu: Móng đá, tường gạch, nền lát gạch bông, mái lợp tôn, xà gồ sắt; 01 mái che lợp tôn, nền xi măng diện tích 16m^2 và 01 sân bê tông diện tích 15m^2.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/6/2017, Hội đồng định giá xác định: Đất trị giá 438.750.000 đồng + Nhà trị giá 49.123.130 đồng + Mái che lợp tôn, nền xi măng trị giá 592.000 đồng + Sân bê tông trị giá 271.500 đồng = 488.736.360 đồng (bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận thửa đất số 876 và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất trên thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông T và bà P nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Xác định tổng trị giá tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Nhật T và bà Vũ Thị Kim P là 488.736.360 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

* Xác định di sản của ông Nguyễn Nhật T để lại bằng ½ tài sản chung của vợ chồng là: 244.368.180 đồng (488.736.360 đồng : 2). Phần tài sản bà P được sở hữu trong khối tài sản chung của vợ chồng là 244.368.180 đồng.

Theo Điều 631, 634 Bộ luật dân sự năm 2005, quy định về quyền để lại di sản, quyền hưởng thừa kế và Điều 106, Điều 113 Luật đất đai năm 2003 quy định người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất. Do ông T chết đột ngột, không để lại di chúc, nên di sản của ông T được chia thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 674 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do thửa đất số 876 có chiều rộng mặt tiền là 5m, không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định diện tích tối thiểu sau khi tách thửa đất trên địa bàn tỉnh, vì vậy di sản thừa kế của ông T được chia theo trị giá.

* Như vậy, mỗi kỷ phần thừa kế trị giá: 81.456.060 đồng (244.368.180 đồng : 3).

[7]. *Về nợ chung của vợ chồng và nghĩa vụ tài sản:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các đương sự, xác định được các khoản nợ chung của ông T và bà P như sau:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tổng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi là 52. 644.444 đồng, tổng cộng là: 102.644.444 đồng (Chứng từ giao dịch số: 06130118000046, 06130118000047 và 06130118000048).

- Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt, tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 8.247.564 đồng, tổng cộng là 28.247.564 đồng (Theo phiếu thu có số tham chiếu: CTSF 130617252936).

- Nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi heo của ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L số tiền: 57.485.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăn tám mươi lăm nghìn đồng).

- Nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi heo ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch số tiền 54.300.000 đồng (Năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

* Xác định tại thời điểm mở thừa kế, tổng số tiền nợ chung của ông Nguyễn Nhật T và bà Vũ Thị Kim P là: 242.677.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy bảy nghìn đồng).

Căn cứ Điều 28 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì tài sản chung của vợ chồng được chi dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện các nghĩa vụ chung của vợ chồng và tại Điều 438, Điều 474 và Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận; bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, do đó bà Vũ Thị Kim P có nghĩa vụ trả ½ số nợ chung của vợ chồng; ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ cùng với bà P phải thanh toán ½ số nợ trên theo quy định. Ngày 13/6/2017, bà P đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ cả gốc và lãi là 102.644.444 đồng và trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ cả gốc và lãi là 28.247.564 đồng. Bà P đã thực hiện xong phần nghĩa vụ riêng của mình và nghĩa vụ tài sản đối với khoản nợ của hai Ngân hàng trên, nên các thừa kế khác phải thanh toán lại cho bà P phần nghĩa vụ tài sản tương ứng.

* Xác định nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Nhật T bằng ½ nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng là: 121.338.500 đồng (242.677.000 đồng: 2).

* Ông Nguyễn Nhật H, bà Nguyễn Thị K và bà Vũ Thị Kim P mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ tài sản là: 40.446.166 đồng (121.338.500 đồng : 3)

[8]. *Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 13/6/2017:* Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ các Điều 217, 218, 235 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và trả lại án phí cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

[9]. *Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam Ngày 13/6/2017:* Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ các Điều 217, 218, 235 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam và trả lại án phí cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

[10]. *Xét yêu cầu của bà Vũ Thị Kim P đối với Trại heo xây dựng trên đất của ông H, bà K; số lượng heo còn lại sau khi ông T chết; số tiền bán heo và 200 tấm tôn:*

- Bà Vũ Thị Kim P khai số lượng heo còn lại sau khi ông T chết là 54 con và bán được số tiền 138.670.000 đồng, lời khai của bà P phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Trần Thị Thanh T về số lượng heo còn lại và số tiền bán heo. Việc ông H, bà K cho rằng số heo sau khi ông T chết còn lại 93 con (Trong đó có 50 con heo thịt, 13 con heo nái, 30 con heo lứa sắp bán), nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà K không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Số tiền bán heo được 138.670.000 đồng, bà P đã dùng để trả nợ chung của vợ chồng hết, không còn để chia thừa kế, nên bà P không yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền này và trong quá trình giải quyết vụ án không ai có yêu cầu chi thừa kế đối với số tiền bán heo 138.670.000 đồng và không ai yêu cầu tính lại số tiền bà P đã trả nợ cho ông Th, bà L, ông Tr, bà Ch và bà L, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Trại heo xây dựng trên đất của ông H và bà K do bỏ hoang lâu ngày và bị bão làm hư hỏng toàn bộ, nên bà P không yêu cầu chia thừa kế đối với Trại heo này. Ông H, bà K cho rằng bà P đã bán 200 tấm tôn cho ông Nguyễn Nhật M, nhưng ông H, bà K không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Theo bà P thì chuồng heo làm bằng vật liệu cũ, đã bị bão làm sập, chỉ còn ít tôn cũ bà P cho chứ không bán. Lời khai của bà P phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Nhật M là người ông H, bà K cho rằng đã mua tôn của bà P, vì vậy lời trình bày của ông H, bà K không có cơ sở. Do bà P không yêu cầu chia thừa kế đối với Trại heo này, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 17/7/2017, Tòa án đã ban hành Thông báo số 01/TB-TA theo đó đề nghị ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K cung cấp chứng cứ và làm đơn nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền bà P bán heo được 138.670.000 đồng đã trả nợ chung của vợ chồng; Trại heo xây dựng trên đất ông H, bà K; số lượng heo 93 con và 200 tấm tôn mà ông H, bà K đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên ông H, bà K không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án và không có đơn yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét, nên không có cơ sở để xem xét.

[11]. Bà Vũ Thị Kim P là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà và đất bao gồm cả di sản của ông T để lại nhưng bà P không yêu cầu Tòa án tính công sức quản lý, bảo quản di sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L về việc yêu cầu bà P và những người thừa kế của ông T phải trả số tiền mua cám nuôi heo còn nợ 57.485.000 đồng. Căn cứ các giấy xác nhận nợ ngày 28/9/2011 và sự thừa nhận của các bên đương sự và căn cứ Điều 428, 438, Điều 637 và Điều 645 của Bộ Luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu của ông Th và bà L.

[13]. Xét yêu cầu của ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch về việc yêu cầu bà P và những người thừa kế của ông T phải trả số tiền mua cám nuôi heo còn nợ 54.300.000 đồng. Căn cứ các giấy xác nhận nợ ngày 28/9/2011 và sự thừa nhận của các bên đương sự và căn cứ Điều 428, 438, Điều 637 và Điều 645 của Bộ Luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu của ông Tr và bà Ch.

[14]. Đối với việc bà Nguyễn Thị Thanh L có cho vợ chồng ông T, bà P mượn số tiền 14.166.000 đồng vào năm 2010. Ngày 28/9/2011, bà P đã trả toàn bộ số tiền nợ cho bà L, nay bà L không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15]. Về chia thừa kế:

Tài sản thừa kế còn lại sau khi trừ đi phần nghĩa vụ là: 123.029.680 đồng (244.368.180 đồng - 121.338.500 đồng). Như vậy, ông Nguyễn Nhật H, bà Nguyễn Thị K và bà Vũ Thị Kim P mỗi người được hưởng số tiền tương ứng là: 41.009.000 đồng (123.029.680 đồng : 3).

- Xét nguyện vọng của bà Vũ Thị Kim P được sử dụng thửa đất số 876 và toàn bộ vật kiến trúc trên đất: Thấy rằng, căn nhà nằm trên thửa đất số 876 là nơi ở của ông T và bà P từ khi xây dựng năm 2008, sau khi ông T chết thì bà P tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay, mặt khác ½ tài sản này được xác định thuộc quyền sở hữu của bà P và trong quá trình giải quyết vụ án các thừa kế khác không ai có yêu cầu được sử dụng Nhà và đất này. Do đó, cần giao cho bà P được sử dụng thửa đất số 876, tờ bản đồ số 21 xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các công trình, vật kiến trúc trên đất. Tổng

trị giá tài sản là: 488.736.360 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

- Chia cho ông H và bà K mỗi người được hưởng số tiền: 41.009.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

Do bà P được chia toàn bộ tài sản thừa kế bằng hiện vật trị giá 244.368.180 đồng (488.736.360 đồng : 2). Sau khi đã trừ phần nghĩa vụ tài sản thì bà P có trách nhiệm thanh toán lại phần chênh lệch về trị giá cho các thừa kế khác và thanh toán các khoản nợ, cụ thể:

+ Thanh toán cho ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K mỗi người 41.009.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

+ Thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Loan số tiền nợ: 57.485.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

+ Thanh toán cho ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch số tiền nợ: 54.300.000 đồng (Năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi là 102.644.444 đồng. (Bà P đã thanh toán xong cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 13/6/2017).

+ Thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi là 28.247.564 đồng. (Bà P đã thanh toán xong cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam ngày 13/6/2017).

[16]. *Về án phí và chi phí tố tụng:*

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng đối với phần tài sản mà họ được hưởng là 4.072.000 đồng (244.368.180 đồng : 3 = 81.456.060 đồng x 5%) và người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận.

+ Ông H và bà K mỗi người phải chịu 4.072.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

+ Bà P phải chịu 4.072.000 đồng án phí tài sản thừa kế và 2.795.000 đồng (55.892.500 đồng x 5%) án phí nghĩa vụ trả nợ (phần nghĩa vụ riêng của bà P) đối với yêu cầu khởi kiện độc lập, tổng cộng là 6.867.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Ngọc Th, bà Hoàng Thị Bích L, ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ bà P đã tạm ứng tiền hợp đồng đo đạc 801.214 đồng theo hóa đơn số 0089405 ngày 05/01/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) huyện C và 1.500.000 đồng theo đề xuất thu tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Tổng số tiền bà P đã nộp là 2.301.000 đồng (Làm tròn số) và đã chi phí tố tụng hết. Tại phiên tòa bà P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng trên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà P.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 428, Điều 438, Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 636, Điều Điều 645, Điều 674, Điều 675, khoản 1 Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 357, 623 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 235, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 28 và Điều 31 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 106 và Điều 113 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 6 và 7 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T là bà Vũ Thị Kim P, ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K trả nợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T là bà Vũ Thị Kim P, ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K trả nợ.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim P về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Nhật T trong khối tài sản chung của vợ chồng với bà Vũ Thị Kim P là thửa đất số 876, tờ bản đồ số 21 xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các công trình, vật kiến trúc trên đất là Nhà cấp 4A3; 01 mái che lợp tôn, nền xi măng và 01 sân bê tông tại Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về tài sản chung của vợ chồng và di sản thừa kế, xác định như sau:

- Tài sản chung của ông Nguyễn Nhật T và bà Vũ Thị Kim P là 156m^2 đất (Trong đó 40m^2 đất thổ cư và 116m^2 đất trồng cây hàng năm) thuộc thửa đất số 876, tờ bản đồ số 21 tại Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất. Tổng trị giá tài sản là: 488.736.360 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

- Di sản thừa kế của ông Nguyễn Nhật T để lại trị giá: 244.368.180 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn một trăm tám mươi đồng).

5. Về nợ chung của vợ chồng và nghĩa vụ tài sản, xác định như sau:

- Nợ chung của ông Nguyễn Nhật T và bà Vũ Thị Kim P là: 242.677.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

- Nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Nhật T là: 121.338.500 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu ba trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng).

- Xác định bà Vũ Thị Kim P đã trả nợ xong cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền: 50.000.000 đồng nợ gốc và 52. 644.444 đồng tiền lãi, tổng cộng là: 102.644.444 đồng (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

- Xác định bà Vũ Thị Kim P đã trả nợ xong cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền: 20.000.000 đồng nợ gốc và 8.247.564 đồng tiền lãi, tổng cộng là 28.247.564 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng).

6. Xác định những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T gồm: Ông Nguyễn Nhật H, bà Nguyễn Thị K và bà Vũ Thị Kim P.

7. Chia thừa kế:

- Chia cho bà Vũ Thị Kim P được sử dụng thửa đất số 876, tờ bản đồ số 21 tọa lạc tại Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, diện tích 156m^2 (Trong đó 40m^2 đất thổ cư và 116m^2 đất trồng cây hàng năm), được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 983105 ngày 01/4/2008 (Tại trang thứ 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ghi nhận nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý như sau: Ngày 30/12/2008 đã chuyển nhượng hết diện tích cho ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 15, Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Phần diện tích chuyển nhượng theo số liệu thông tin tại phần II, trang 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 983105 ngày 01/4/2008) và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất, gồm: Nhà cấp 4A3, diện tích 50m^2, kết cấu: Móng đá, tường gạch, nền lát gạch bông, mái lợp tôn, xà gồ sắt; 01 mái che lợp tôn, nền xi măng diện tích 16m^2; 01 sân bê tông diện tích 15m^2. Tổng trị giá tài sản là: 488.736.360 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Sơ đồ, vị trí, kích thước thửa đất được xác định bởi các điểm tọa độ 1,2,3,4,5,1 theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện C ngày 06/01/2016 (Có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo bản án).

- Chia cho ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K mỗi người được hưởng số tiền: 41.009.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

8. Bà Vũ Thị Kim P có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K mỗi người số tiền: 41.009.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

9. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trả nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi heo.

Bà Vũ Thị Kim P có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L số tiền nợ là 57.485.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

10. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim P và những người thừa kế của ông Nguyễn Nhật T trả nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi heo.

Bà Vũ Thị Kim P có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch số tiền nợ là: 54.300.000 đồng (Năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bà Vũ Thị Kim P thi hành án xong việc thanh toán cho ông Nguyễn Nhật H, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Ngọc Th, bà Hoàng Thị Bích L, ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch thì được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai, xác lập quyền sở hữu đối với thửa số 876, tờ bản đồ số 21 xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Mọi chi phí và thuế cho việc xác lập quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất bà Vũ Thị Kim P phải thực hiện theo quy định pháp luật.

11. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.867.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000 đồng theo biên lai thu số 005985 ngày 14/8/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, như vậy bà P còn phải nộp 5.217.000 đồng (Năm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Nhật H và bà Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 4.072.000 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.054.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 017735 ngày 09/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 633.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 017729 ngày 03/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hoàng Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.437.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 017650 ngày 31/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.357.500 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 017659 ngày 31/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

12. Về chi phí tố tụng: Đã chi hết số tiền 2.301.000 đồng (Hai triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng), bà Vũ Thị Kim P tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

13. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Duy